

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày 05 – 3 – 2025

“V/v không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 581/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thúy K, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Quách Việt T, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2024 và trình bày của bà Đoàn Thúy K trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông Quách Việt T chung sống vợ chồng vào năm 1991, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố C. Tuy nhiên, hiện nay Giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc, Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C không có lưu trữ thông tin kết hôn của bà và ông T. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T không lo làm ăn, hay ghen tuông, đánh đập bà. Ông bà đã hàn gắn nhiều lần nhưng không kết quả. Ông bà đã ly thân nhau khoảng 05 năm nay. Nay bà xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung, ông bà có 02 con chung tên là Quách Minh N, sinh ngày 13/3/1991 và Quách Minh N1, sinh ngày 24/11/2004, hiện nay các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, bà xác định không có.

Đối với ông Quách Việt T, đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thúy K, nhưng đến nay ông T vẫn không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến và tài liệu chứng cứ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Quách Việt T đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Đoàn Thúy K và ông Quách Việt T chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Bà Đoàn Thúy K trình bày rằng, ông, bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C. Tuy nhiên, tại Công văn số 83/UBND ngày 17/9/2024 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C xác định: Qua tra cứu tàng thư, sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân phường A không có thông tin của bà Đoàn Thúy K. Ngoài ra, bà K không có chứng cứ nào khác thể hiện việc có đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vậy nên, mặc dù bà K xác định trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nhưng vì ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa bà K và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Quách Minh N, sinh ngày 13/3/1991 và Quách Minh N1, sinh ngày 24/11/2004, hiện nay các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: bà K xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[5] Về nợ chung: bà K xác định không có, còn ông T không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và không gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề nợ chung nên chấp nhận ý kiến của bà K.

[6] Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Đoàn Thúy K và ông Quách Việt T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Quách Minh N, sinh ngày 13/3/1991 và Quách Minh N1, sinh ngày 24/11/2004, hiện nay các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà Đoàn Thúy K phải chịu. Ngày 04/11/2024, bà K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo lai thu số 0009592 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ, bà K đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Lê Thị Kim Oanh

